PHÒNG GD VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TRƯỜNG MẦM NON SỐ 1 XÃ PÁ KHOANG

BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP THEO LƯƠNG
THÁNG 9 NĂM 2023

Đơn vị tính : đồng

STT	Họ và tên	Hệ số lương và Hệ số phụ cấp (TL%)																	Tổng Hệ số	Lương tối thiểu	Thành tiền	Các khoản phải trừ				Thực lĩnh
		Lương ngạch bậc	Lương hợp đồng	Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp khu vực	Phụ cấp trách nhiệm	Tỷ lệ % ThN	Phụ cấp thâm niên nhà giáo	Tỷ lệ % TCGV_YT	Phụ cấp ưu đãi ngành	Tỷ lệ % TNVK	Phụ cấp thâm niên VK	Phụ cấp độc hại	Hệ số độc hại	Số tháng còn được hưởng (5 năm)	Phụ cấp thu hút 70%	công số năm được hưởng	Phụ cấp lâu năm				8% BHXH	1,5% BHYT	1% BHTN	Cộng các khoản phải trừ	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
I	**1. MN số 1 Pá Khoang**	**62,35**	**0,00**	**1,75**	**10,00**	**0,10**	**1,88**	**6,56**	**12,20**	**38,83**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**4,41**		**10,80**	**134,80**		**200.851.702**	**8.422.648**	**1.579.247**	**1.052.831**	**11.054.726**	**189.796.975**
1	Kiều Thanh Huyền	4,32		0,50	0,50		18%	0,868	70%	3,37							15n 5 T	1,00	10,56160	1.490.000	15.736.784	677.962	127.118	84.745	889.825	14.846.959
2	Cà Thị Bắc	3,03		0,35	0,50		9%	0,304	70%	2,37							10n	0,50	7,05020	1.490.000	10.504.798	439.157	82.342	54.895	576.393	9.928.405
3	Ng. Thị Bích Thục	3,65			0,50		15%	0,548	50%	1,83							16n4T		6,52250	1.490.000	9.718.525	500.342	93.814	62.543	656.699	9.061.826
4	Lò Thị Hoan	3,65			0,50		17%	0,621	70%	2,56							17n	1,00	8,32550	1.490.000	12.404.995	509.044	95.446	63.630	668.120	11.736.875
5	Lò Thị Biên	3,65		0,20	0,50		16%	0,616	70%	2,70							16n2T	1,00	8,66100	1.490.000	12.904.890	532.347	99.815	66.543	698.706	12.206.184
6	Quàng Thị Phương	3,03		0,15	0,50		10%	0,318	70%	2,23							10n 11T	0,70	6,92400	1.490.000	10.316.760	416.962	78.180	52.120	547.262	9.769.498
7	Vũ Thị Hòa	3,03			0,50		10%	0,303	70%	2,12							11n	0,70	6,65400	1.490.000	9.914.460	397.294	74.493	49.662	521.448	9.393.012
8	Lường Thị Ngoãn	2,72			0,50		10%	0,272	70%	1,90							10n	0,50	5,89600	1.490.000	8.785.040	356.646	66.871	44.581	468.098	8.316.941
9	Quàng Thị Hom	3,03			0,50		11%	0,333	70%	2,12							12n1T	0,70	6,68430	1.490.000	9.959.607	400.905	75.170	50.113	526.188	9.433.419
10	Lò Thị Loan	3,34			0,50		13%	0,434	70%	2,34							13n	0,70	7,31220	1.490.000	10.895.178	449.885	84.353	56.236	590.474	10.304.704
11	Nguyễn Thị Hương	3,34			0,50		12%	0,40	70%	2,34							13n6T	0,70	7,27880	1.490.000	10.845.412	445.903	83.607	55.738	585.248	10.260.164
12	Lại Thị Dinh	3,34			0,50		14%	0,468	70%	2,34							13n11T	0,70	7,34560	1.490.000	10.944.944	453.866	85.100	56.733	595.699	10.349.245
13	Lò Thị Thắm	3,34		0,15	0,50		12%	0,42	70%	2,44							13n	0,70	7,55180	1.490.000	11.252.182	465.929	87.362	58.241	611.532	10.640.650
14	Bạc Thị Tình	3,03		0,20	0,50		10%	0,323	70%	2,26							6n6T	0,50	6,81400	1.490.000	10.152.860	423.518	79.410	52.940	555.867	9.596.993
15	Lù Thị Ương	3,03			0,50		11%	0,33	50%	1,52							12n		5,37830	1.490.000	8.013.667	400.905	75.170	50.113	526.188	7.487.479
16	Lò Thị Vân																									
17	Quàng Thị Phương	2,10			0,50				70%	1,47					4T	1,47			5,54000	1.490.000	8.254.600	250.320	46.935	31.290	328.545	7.926.055
18	Cà Thị Dung																									
19	Phạm Thị Phương	2,10			0,50				70%	1,47					2n10T	1,47			5,54000	1.490.000	8.254.600	250.320	46.935	31.290	328.545	7.926.055
20	Nguyễn Hồng Dương	2,10			0,50				70%	1,47					2n10T	1,47			5,54000	1.490.000	8.254.600	250.320	46.935	31.290	328.545	7.926.055
21	Nguyễn Thị Tươi	3,66		0,20	0,50	0,1											12n 10T	0,70	5,16000	1.490.000	7.688.400	460.112	86.271	57.514	603.897	7.084.503
22	Lò Văn Phượng	2,86			0,50												11n1T	0,70	4,06000	1.490.000	6.049.400	340.912	63.921	42.614	447.447	5.601.953
1	**Cộng**	**62,35**		**1,75**	**10,0**	**0,10**	**1,88**	**6,56**	**12,20**	**38,83**						**4,41**		**10,80**	**134,80**	**29.800.000**	**200.851.702**	**8.422.648**	**1.579.247**	**1.052.831**	**11.054.726**	**189.796.975**
23	Lường Văn Thoại																				5.095.800	407.664	76.437	50.958	535.059	4.560.741
	Tổng cộng	**62,35**		**1,75**	**10,00**	**0,10**	**1,88**	**6,56**	**12,20**	**38,83**					**0,0**	**4,41**	**0,00**	**10,8**	**134,80**		**205.947.502**	**8.830.312**	**1.655.684**	**1.103.789**	**11.589.785**	**194.357.716**

Tổng tiền bằng chữ: Một trăm chín mươi tư triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn bảy trăm mười sáu đồng chẵn

Nguyễn Hồng Dương phục hồi thai sản T9
Lò Thị Vân Nghi thai sản từ T9 đến hết tháng 3/2024
Nguyễn T.Bích Thục tăng cường
Lù Văn Ương tăng cường

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Tươi

Điện Biên Phủ, ngày 1 tháng 9 năm 2023
HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG MẦM NON SỐ 1 XÃ PÁ KHOANG

Kiều Thanh Huyền